

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2018/HNGĐ - ST

Ngày 20 - 9 - 2018

V/v Chia tài sản sau ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội Đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Thanh Khiết**

Các hội thẩm nhân dân:

Ông **Bùi Hữu Khánh**

Ông **Võ Tấn Liêm**

-Thư ký phiên tòa: Ông **Hồ Chí Thêm** – Thư ký Tòa án

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước tham gia phiên tòa:

Bà **Từ Thanh Thùy** - Kiểm sát viên

Trong các ngày 19, 20 tháng 9 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2017/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp Chia tài sản sau ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 269/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Kim T**, sinh năm 1983 (Có mặt).

Cư trú tại: Ấp TA, xã H, huyện C, tỉnh C.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn Trần Kim T:

Ông **Huỳnh Phương Đ** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh C. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Anh **Lê H An**, sinh năm 1979 (Có mặt).

Cư trú tại: Ấp TA, xã H, huyện C, tỉnh C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ **UBND xã H** (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh C.

2/ **UBND huyện C, tỉnh C.** (Vắng mặt)

Địa chỉ; K 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh C.

3/ Ông **Nguyễn Quốc Tr**- sinh năm 1960 (Vắng mặt)

4/ Ông **Trần Văn Lị**, sinh năm 1960 (Có mặt)

5/ Bà **Nguyễn Ánh T**, sinh năm 1961 (Có mặt)

Cùng cư trú: Ấp TA, xã H, huyện C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trần Kim T và anh Lê H An đã được giải quyết việc hôn nhân bằng bản án số 108/2014/HNGĐ - ST. Nội dung không công nhận mối quan hệ giữa chị T và anh Hoàng An là vợ chồng, về con chung theo bản án thì chị T được tiếp tục nuôi con chung là cháu Lê H và anh Hoàng An phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, về tài sản của vợ chồng thì anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, sau khi được giải quyết ly hôn chị T và anh Hoàng An tự thỏa thuận giao căn nhà là tài sản chung của vợ chồng cất trên đất của chị T ở chợ Rau Dừa cho anh Hoàng An làm ăn buôn bán và lấy tiền cấp dưỡng nuôi con, nhưng anh Hoàng An không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con nên chị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết việc chia tài sản chung của vợ chồng là căn nhà cất trên đất của chị ở chợ R mà vợ chồng tự xác định giá trị là 40.000.000 đồng, chị nhận căn nhà và giao lại cho anh Hoàng An 1/2 giá trị là 20.000.000 đồng.

Anh Hoàng An thống nhất với chị T về việc anh chị đã được giải quyết việc hôn nhân như chị T trình bày, tuy nhiên về phần tài sản anh không đồng ý với yêu cầu của chị T, anh xác định khi ly hôn vợ chồng có thỏa thuận là anh nhận căn nhà để kinh doanh buôn bán nuôi con đến khi con tròn 18 tuổi, anh sẽ giao lại căn nhà cho con và anh thống nhất cấp dưỡng cho chị T mỗi tháng 2.000.000 đồng để chị T nuôi con. Còn về phần đất có căn nhà anh xác định là tài sản chung của vợ chồng. Anh xác định phần đất này vợ chồng anh nhờ cha vợ là ông Trần Văn Lị đứng tên mua dùm. Nay chị T yêu cầu anh giao nhà anh không đồng ý, anh yêu cầu được tiếp tục ở căn nhà nói trên đến khi nào con anh tròn 18 tuổi anh sẽ giao lại cho con của anh.

Ông Trần Văn Lị xác định phần đất này trước đây là của ông Nguyễn Quốc Tr được Nhà Nước cấp, nhưng đến năm 2009 thì ông Tr không có nhu cầu để ở nên có bán lại cho ông, ông mua và cho riêng con gái của ông, vì trước đó ông có cho vợ chồng anh Hoàng An một ki ốt trong chợ R để làm ăn buôn bán, nhưng anh Hoàng An đã bán mất. Nên hiện tại phần đất này ông mua và cho riêng con gái của ông.

Bà Nguyễn Ánh T không thống nhất với lời trình bày của anh Hoàng An về việc bà có cho mượn 01 cây vàng 24k để mua phần đất này. Bà xác định anh Hoàng An từ nơi khác đến và vợ chồng bà chấp nhận cho ở rể và bao bọc cho con gái cùng con rể. Tuy nhiên anh Hoàng An đã bán một căn ki ốt, nên phần đất này là của vợ chồng bà mua riêng cho con gái và việc sang bán là con bà đứng tên và có chính quyền địa phương xác nhận và đóng dấu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tại phiên tòa xác định Thẩm phán - Chủ tọa và các đương sự T, Hoàng An, Nguyễn Văn Lị đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Riêng các đương sự như bà Nguyễn Ánh T, UBND xã H, UBND huyện C không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng

dân sự, về nội dung đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Nhận định của Tòa án về các vấn đề cần giải quyết của vụ án như sau: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp chia tài sản sau ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh Lê H An và chị Trần Kim T có địa chỉ cư trú tại ấp Thị Tường A, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với ông Nguyễn Quốc Tr, UBND xã H và UBND huyện C là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và không có người đại diện tham gia phiên tòa. Nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Các tài sản chị T và anh Hoàng An thống nhất là tài sản chung và đồng ý xác định giá trị hiện tại là những tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét nội dung tranh chấp của các đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy anh Hoàng An và chị T không thống nhất với nhau về phần đất là tài sản chung của vợ chồng. Anh Hoàng An cho rằng phần đất này anh và chị T dành dụm làm ăn và nhờ ông Trần Văn Lì là cha vợ đứng tên mua giùm vào năm 2009. Tuy nhiên ông Lì không thừa nhận việc đứng tên giùm vợ chồng anh Hoàng An mà chính ông là người trực tiếp trả tiền cho ông Tr và ông xác định phần đất ông mua của ông Tr là đất của Nhà Nước nên đôi bên chỉ làm giấy tay và ông Lì khẳng định đất này là ông mua cho con gái ông và để con gái đứng tên trong tờ chuyển nhượng nên đất ngày 11 tháng 8 năm 2009 và việc mua bán này có xác nhận của chính quyền địa phương.

Đối với lời trình bày của anh Hoàng An về việc vợ chồng anh có mượn của bà Nguyễn Ánh T là mẹ vợ anh 01 cây vàng 24k để mua đất. Tuy nhiên bà T xác định không có cho vợ chồng anh Hoàng An mượn vàng để mua đất, bà T khẳng định phần đất là của vợ chồng bà bỏ tiền ra mua cho riêng chị Trần Kim T vì trước đó anh Hoàng An đã bán hết 01 ki ốt mà vợ chồng bà mua cho vợ chồng anh Hoàng An để làm ăn buôn bán tại chợ R.

Tại phiên tòa anh Hoàng An thừa nhận anh không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình về phần đất mà anh cho rằng là tài sản chung của anh và chị T trong thời gian chung sống.

Từ những cơ sở như đã phân tích nêu trên. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định phần đất có diện tích 56,6 m² theo đo đạc thực tế ngày 23 tháng 6 năm 2017 là tài sản riêng của chị Trần Kim T. Xét tình trạng hiện tại căn nhà là tài sản chung của vợ chồng chị T và anh Hoàng An thì căn nhà đang được cất trên đất của chị T. Nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị Trần Kim T. Bởi lẽ giao nhà cho anh Hoàng An thì không phù hợp với điều kiện thực tế vì căn nhà đang cất trên phần đất của chị T. Do đó cần giao căn nhà cho chị T quản lý, sử dụng và buộc chị T giao lại cho anh Hoàng An 1/2 giá trị căn nhà là 20.000.000 đồng.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ anh Hoàng An và chị T mỗi người phải chịu trên phần tài sản mà mình được chia. Như vậy mỗi người phải chịu là 2.000.000 đồng. Chị T đã thanh toán xong chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền là 4.000.000 đồng theo hợp đồng dịch vụ số 124/HĐ -DV của Trung tâm kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cu. Do đó Anh Lê H An phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị Trần Kim T số tiền 2.000.000 đồng. Đối trừ chị Trần Kim T còn giao lại cho anh Lê H An số tiền là 18.000.000 đồng.

Đối với khoản tiền này kể từ ngày anh Lê H An có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Trần Kim T không thi hành xong thì chị T còn phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự có giá ngạch các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật trên giá trị tài sản mà mình được chia. Cụ thể giá trị tài sản mỗi người được chia là 20.000.000 đồng nên anh Hoàng An và chị Kim T mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 20.000.000 đồng x 5% = 1.000.000 đồng.

Chị Trần Kim T đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011125 ngày 24 tháng 3 năm 2017 được đối trừ, chị Trần Kim T phải nộp tiếp là 700.000 đồng. Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi án có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các điều 28; 35; 39; 147, 217, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các điều 33, 34, 43 và 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 357; 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Trần Kim T về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là căn nhà tại chợ Rau Dừa thuộc ấp Thị Tường A, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau trị giá 40.000.000 đồng.

[2] Buộc anh Lê H An phải giao căn nhà cất trên phần đất của chị Trần Kim T theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 23 tháng 6 năm 2017 cho chị Trần Kim T quản lý, sử dụng. Căn nhà và đất có hiện trạng như sau:

Căn nhà cất bằng cây gỗ địa phương, vách thiết, mái lợp tôn tipro xi măng, nền xi măng. Căn nhà cất trên phần đất có vị trí tứ cận như sau:

+ Phía Bắc cạnh M_1M_2 dài 14,52 mét giáp phần đất ông Phạm Quốc Khánh;

+ Phía Nam cạnh M_3M_4 dài 14,53 mét giáp phần đất ông Phùng Văn Kết;

+ Phía Đông cạnh M_2M_3 dài 3,89 mét giáp lộ xi măng;

+ Phía Tây cạnh M_1M_4 dài 3,90 mét giáp sông Rau Dừa.

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo)

[3] Buộc chị Trần Kim T phải giao lại cho anh Lê H An số tiền là 18.000.000 đồng.

Đối với khoản tiền này kể từ ngày anh Lê H An có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Trần Kim T không thi hành xong thì chị T còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc anh Lê H An và chị Trần Kim T mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.000.000 đồng.

Chị Trần Kim T đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011125 ngày 24 tháng 3 năm 2017 được đối trừ, chị Trần Kim T phải nộp tiếp là 700.000 đồng. Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Quốc Tr, UBND xã H và UBND

huyện C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Khiết